

上海德聖船務有限公司
Shanghai T. S. Shipping Agency, Co., Ltd.
SHIPPING SCHEDULE OCT 2026

CHT 上海—周一至國航線（外代代理） 業務客照：021-63092547*109 Amy QIN

SVC	VESSEL	VOYAGE	ETD SHA			THLCB (LCIT)	THBKK (PAT)	SCT NO.
CHT	SAWASDEE DENEH	2611S 賽斯德大船星	6-Oct-26	TUE		13-Oct-26	14-Oct-26	外一
	TS XIAMEN	2618S 德翔廈門	13-Oct-26	TUE		20-Oct-26	21-Oct-26	外一
	KMTC GIWANGYANG	2612S 高麗友邦	20-Oct-26	TUE		27-Oct-26	28-Oct-26	外一
	SAWASDEE DENEH	2612S 賽斯德大船星	27-Oct-26	TUE		3-Nov-26	4-Nov-26	外一
	TS XIAMEN	2618S 德翔廈門	3-Nov-26	TUE		10-Nov-26	11-Nov-26	外一

CVT 上海—周六至國航線（外代代理） 業務客照：021-63092547*109 Amy QIN

SVC	VESSEL	VOYAGE	ETD SHA		NBO	XMN	THLCB (LCIT)	THBKK (PAT)	SCT NO.
CVT	TS CHIBA	2622S 德翔千叶	3-Oct-26	SAT	4-Oct-26	6-Oct-26	13-Oct-26	14-Oct-26	外一
	KMTC TOKYO	2612S 高麗東京	10-Oct-26	SAT	11-Oct-26	13-Oct-26	20-Oct-26	21-Oct-26	外一
	LITTLE DOLPHIN	2613S 中外迅聯線	17-Oct-26	SAT	18-Oct-26	20-Oct-26	27-Oct-26	28-Oct-26	外一
	TS CHIBA	2623S 德翔千叶	24-Oct-26	SAT	25-Oct-26	27-Oct-26	3-Nov-26	4-Nov-26	外一
	KMTC TOKYO	2613S 高麗東京	31-Oct-26	SAT	1-Nov-26	3-Nov-26	10-Nov-26	11-Nov-26	外一

KCM 上海—周四至新馬航線（外代代理） 業務客照：021-63092547*110 Caitlin HE

SVC	VESSEL	VOYAGE	ETD SHA			HKHKG (HIT)	MYPWW (WEST)	MYPKG (NORTH)	MYPGU (JPCT)	SCT NO.
KCM	OMIT		1-Oct-26	THU		4-Oct-26	8-Oct-26	10-Oct-26	12-Oct-26	外四
	OMIT		8-Oct-26	THU		11-Oct-26	15-Oct-26	17-Oct-26	19-Oct-26	外四
	KMTC DALIAN	2609S 高麗大連	15-Oct-26	THU		18-Oct-26	23-Oct-26	24-Oct-26	26-Oct-26	外四
	TBN		22-Oct-26	THU		25-Oct-26	30-Oct-26	31-Oct-26	2-Nov-26	外四
	TBN		29-Oct-26	THU		1-Nov-26	6-Nov-26	7-Nov-26	9-Nov-26	外四

KCM2 上海—周五至新馬航線（中聯代理） 業務客照：021-63092547*110 Caitlin HE

SVC	VESSEL	VOYAGE	ETD SHA		SKU		MYPWW (WEST)	MYPEN (NBCI)	SGSIN (PSA)	SCT NO.
KCM2	CMA CGM EFFEEL	08YPPWS 正利艾菲	2-Oct-26	FRI	5-Oct-26		19-Oct-26	12-Oct-26	15-Oct-26	外二
	CMA CGM LISBON	KC2000S 达飞里斯本	9-Oct-26	FRI	12-Oct-26		17-Oct-26	19-Oct-26	22-Oct-26	外二
	CMA CGM PERTH	KC2020S 正利珀斯	16-Oct-26	FRI	19-Oct-26		24-Oct-26	26-Oct-26	29-Oct-26	外二
	TBN	KC2040S	23-Oct-26	FRI	26-Oct-26		31-Oct-26	2-Nov-26	5-Nov-26	外二
	CMA CGM CAIMEP	KC2060S 正利凱梅普	30-Oct-26	FRI	2-Nov-26		7-Nov-26	9-Nov-26	12-Nov-26	外二

NV2 上海—周三海防航線（順德代理） 業務客照：021-63092547*110 Caitlin HE

SVC	VESSEL	VOYAGE	ETD SHA			HKHKG (HIT)	VNHPH (TAN VU)	SCT NO.
NV2	TS LIANYUNGANG	2620S 德翔连云港	7-Oct-26	WED		10-Oct-26	13-Oct-26	外四
	ZHONG GU DI ZHONG HAI	642S 中谷地中海	14-Oct-26	WED		17-Oct-26	20-Oct-26	外四
	TS LIANYUNGANG	2621S 德翔连云港	21-Oct-26	WED		24-Oct-26	27-Oct-26	外四
	ZHONG GU DI ZHONG HAI	644S 中谷地中海	28-Oct-26	WED		31-Oct-26	3-Nov-26	外四
	TS LIANYUNGANG	2622S 德翔连云港	4-Nov-26	WED		7-Nov-26	10-Nov-26	外四

KCI 上海—周日雅加达航線（中联代理） 業務客照：021-63092547*107 Tina Weng

SVC	VESSEL	VOYAGE	ETD SHA		NBO		IDJKT (NPCT)	IDSUB (TPS)	SCT NO.
KCI	OMIT		4-Oct-26	SUN	5-Oct-26		12-Oct-26	16-Oct-26	外一
	AS CASPRIA	382S 金星卡斯普里亞	11-Oct-26	SUN	12-Oct-26		19-Oct-26	23-Oct-26	外一
	STARSHIP VENUS	2609S 南星維納斯	18-Oct-26	SUN	19-Oct-26		26-Oct-26	30-Oct-26	外一
	TS NAGOYA	2634S 德翔名古屋	25-Oct-26	SUN	26-Oct-26		2-Nov-26	6-Nov-26	外一
	INTERASIA ENGAGE	S046 义达輪	1-Nov-26	SUN	2-Nov-26		9-Nov-26	13-Nov-26	外一